

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA H'LEO
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 18-9-2023.

V/v: “*Kiện ly hôn và tranh
chấp nuôi con chung*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO.

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Vũ.

Các hội thẩm nhân dân:

1, Ông Lưu Văn Toàn.

2, Ông Trần Hữu Linh.

-Thư ký phiên Tòa: Ông Phan Việt Tiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 18/9/2023 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo mở phiên tòa xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 193/2023/TLST-HNGĐ ngày 12/6/2023 về việc “*Kiện ly hôn và tranh chấp nuôi con chung*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11/8/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 55/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28/8/2023, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thanh T, sinh năm: 1980. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Buôn Đung B, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Anh Đặng Ngọc H, sinh năm 1971. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Nơi cư trú: Buôn Đung B, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án chị T là nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Chị Trần Thanh T và anh Đặng Ngọc H về sống chung với nhau từ năm 2005, đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk, kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, sau khi về sống chung hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm làm ăn phát triển kinh tế gia

đình, nên xảy ra nhiều cuộc cãi vã, đánh đập làm mất tình cảm vợ chồng, hiện chị T và anh H đã sống ly thân, cuộc sống không thể kéo dài được nữa, nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị T và anh H có 01 con chung là Đặng Vĩnh V, sinh ngày 19/11/2006, nay ly hôn chị T có nguyện vọng tiếp tục nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hiện tại chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung.

Quá trình điều tra thu thập tài liệu, chứng cứ anh Đặng Ngọc H là bị đơn: Cố tình lẩn tránh, không hợp tác nên không ghi nhận được ý kiến của anh H và anh H cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án cũng như không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa khẳng định:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng trình tự theo quy định của pháp luật về tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của đương sự có trong hồ sơ vụ án do chủ tọa phiên tòa đã công bố tại phiên tòa thể hiện việc chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh H là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình. Cho chị T ly hôn với anh H, tiếp tục giao con chung cho chị T nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Việc chị Trần Thanh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Đặng Ngọc H, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh H đã được Tòa án triệu tập đến Tòa án để công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh H vắng mặt không có lý do, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, nên Tòa án không thể tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự được mà tiến hành xác minh, niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi anh H cư trú. Căn cứ khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được và tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. Về nội dung:

2.1, Về hôn nhân: Chị Trần Thanh T và anh Đặng Ngọc H về sống chung với nhau từ năm 2005, đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận kết hôn số 60/KH ngày 31/8/2011. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình, nên xảy ra nhiều cuộc cãi vã, đánh đập làm mất tình cảm vợ chồng, hiện chị T và anh H đã sống ly thân, nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh H.

Căn cứ vào lời khai của đương sự và qua xác minh tại chính quyền địa phương thì chị T và anh H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Do đó, xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh H ngày càng trầm trọng, hiện tại hai người đã sống ly thân, giữa hai người không còn thương yêu, chăm sóc, quý trọng lẫn nhau, thực tế hôn nhân không còn tồn tại. Vì vậy, việc chị T yêu cầu ly hôn với anh H là có căn cứ, nên cần chấp nhận.

2.2, Về con chung: Chị T và anh H có 01 con chung. Nhận thấy, sau khi sống ly thân chị T là người trực tiếp nuôi con, nay ly hôn chị T có nguyện vọng tiếp tục được nuôi con, nên cần giao con chung là Đặng Vĩnh V, sinh ngày 19/11/2006 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi là phù hợp.

2.3, Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện tại chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không đề cập xem xét.

Anh H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

2.4, Về tài sản và nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung, nên không đề cập xem xét.

[3]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thanh T được ly hôn với anh Đặng Ngọc H.
2. Về nuôi con chung: Căn cứ vào Điều 58; Điều 81; Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình;

2.1. Giao con chung là Đặng Vĩnh V, sinh ngày 19/11/2006 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hiện tại chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không đề cập xem xét.

Anh H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung, nên không đề cập xem xét.

4. Về án phí: Chị Trần Thanh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục THADS huyện Ea H'Leo theo biên lai số AA/2021/0011397 ngày 05/6/2023.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện Ea H'Leo;
- Chi cục THADS huyện Ea H'Leo;
- UBND xã Ea Khal, huyện Ea H'Leo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, vi tính.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Huy Vũ